

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO L
TỈNH LÂM ĐỒNG
Bản án số: **82/2024/HSST**
Ngày: 26-9-2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO L, TỈNH LÂM ĐỒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà **Vũ Thị Thúy Thành**.

Các Hội thẩm nhân dân: bà **Hồ Thị Hồng Liên**

bà **Lê Thị Sáu**

Thư ký phiên tòa: ông **Trương Q Vũ** – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: bà **Trần Thu Trang** – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 88/2024/TLST-HS ngày 06/9/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2024/QĐXXST-HS ngày 13/9/2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Hoàng Thị M**, sinh năm 1994 tại Đăk Lăk;

NKTT: thôn Hiệp Thuận, xã Ninh Gia, huyện Đức T, tỉnh Lâm Đồng

Chỗ ở: tổ 08, thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Giới tính: Nữ

Trình độ học vấn: 08/12. Nghề nghiệp: Nội trợ.

Con ông Hoàng Hữu, sinh năm 1969 (đã chết). Con bà Nguyễn Thị Trang, sinh năm 1971, hiện trú tại xã Ea Tíh, huyện Ea Kar, tỉnh Đăk Lăk. Gia đình có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ 3 trong gia đình.

Chồng Trần Xuân Q, sinh năm 1988 hiện trú tại tổ 08, thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng. Con: Có 04 người con, lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất 2023 (trong đó có 02 người con với chồng cũ).

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 28/02/2024 đến nay tại thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1. Chị **Dương Thị Mỹ H**, sinh năm 2000. Có mặt

Địa chỉ: tổ 06, thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng

2. Anh **Trần Xuân Q**, sinh năm 1988. Vắng mặt

Địa chỉ: tổ 08, thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng

3. Chị **Võ Thị Ngọc T**, sinh năm 2001. Vắng mặt

Địa chỉ: thôn 3, xã Lộc Ngãi, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng

4. Chị **Lương Thị Ngọc TH**, sinh năm 2000. Vắng mặt

Địa chỉ: tổ 9, thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thông qua mối quan hệ xã hội, chị Dương Thị Mỹ H, sinh năm 2000; HKTT: tổ 6, thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng quen biết với Hoàng Thị M. Do cần tiền để kinh doanh nên từ tháng 8/2022 đến tháng 02/2024 chị H đã vay tiền của M tổng cộng 15 lần, với tổng số tiền là 945.000.000 đồng, mức lãi suất cho vay từ 3.000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày đến 9.000 đồng/1 triệu đồng/1 ngày, các lần vay tiền M chuyển khoản hoặc đưa tiền mặt cho chị H nhưng không nhớ rõ cụ thể từng lần, các lần vay tiền chị H và M thống nhất để chị H ghi lại tại phần ghi chú trong điện thoại của chị H, còn trong điện thoại của M ghi lại các khoản vay và ngày thu tiền. Trong các lần trả lãi hàng tháng có lần trả bằng tiền mặt, có lần trả thông qua chuyển khoản ngân hàng từ số tài khoản 109868402640 của chị H mở tại ngân hàng Viettinbank đến số tài khoản của M là 104877307650 mở tại ngân hàng Viettinbank, cụ thể các lần vay như sau:

Lần 01: Ngày 16/8/2022, H vay của M số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất 6.000 đồng/1 triệu đồng/1 ngày, trả lãi 01 tháng (tức là 30 ngày) một lần số tiền là 3.600.000 đồng, vào ngày 16 hàng tháng. Từ ngày 16/8/2022 đến ngày 16/5/2023 chị H đã trả lãi cho M số tiền 32.400.000 đồng. Tháng 6/2023, chị H báo bị bế nợ nên ngày 16/6/2023 không đóng lãi. Sau đó, M thay đổi và hạ lãi suất xuống còn 3.000 đồng/1 triệu đồng/1 ngày, tức là 1.800.000 đồng/ tháng, vẫn đóng lãi vào ngày 16 hàng tháng. Từ ngày 16/7/2023 cho đến 16/02/2024, H đã trả lãi cho M số tiền 14.400.000 đồng. Riêng ngày 16/7/2023, H chuyển khoản đóng lãi cho M số tiền là 1.900.000 đồng (trong đó có 100.000 đồng là tiền H cho M, không tính vào lãi suất). Tổng số tiền lãi chị H đã trả cho M của khoản vay này là 46.800.000 đồng, với mức lãi suất từ 109,5%/năm đến 219%/năm (gấp 5,475 đến 10,95 lần lãi suất theo quy định của pháp luật). Lãi suất theo quy định của pháp luật mà M được thu là 5.369.863 đồng, số tiền thu lợi bất chính mà M đã hưởng là 41.430.137 đồng, nợ lãi tháng 6 là 3.266.362 đồng (3.600.000 đồng – 333.638 đồng tiền lãi suất theo quy định của pháp luật mà M được thu).

Lần 02: Ngày 23/12/2022, Chị H vay của M số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất 7.000 đồng/1 triệu đồng/1 ngày, trả lãi 1 tháng (tức là 30 ngày) một lần số tiền 4.200.000 đồng, vào ngày 23 hàng tháng. Từ ngày 23/12/2022 đến ngày 16/5/2023 chị H đã trả cho M số tiền 21.000.000 đồng. Tháng 6/2023, chị H báo bị bế nợ nên ngày 23/6/2023 không đóng lãi. Sau đó, M hạ lãi suất xuống còn 3.000 đồng/1 triệu đồng/1 ngày, tức là 1.800.000 đồng/ tháng. Từ ngày 23/7/2023 cho đến ngày 23/02/2024, chị H đã trả lãi

cho M số tiền 12.600.000 đồng. Tổng số tiền lãi chị H đã trả cho M của khoản vay này là 33.600.000 đồng, với mức lãi suất từ 109,5%/năm đến 255,5%/năm (gấp từ 5,475 đến 12,775 lần lãi suất theo quy định của pháp luật). Lãi suất theo quy định của pháp luật mà M được thu là 4.372.603 đồng, số tiền thu lợi bất chính mà M đã hưởng là 29.227.397 đồng. Nợ lãi tháng 6 và tháng 7 là 2.797.808 đồng (3.600.000 đồng – 802.192 đồng tiền lãi suất theo quy định của pháp luật mà M được thu).

Lần 03: Ngày 24/4/2023, chị H vay của M 150.000.000 đồng với lãi suất 6.000 đồng/1 triệu đồng/1 ngày, trả lãi 1 tháng (tức là 30 ngày) một lần số tiền 27.000.000 đồng, vào ngày 24 hàng tháng. Số tiền vay này M chuyển khoản vào tài khoản số 109868402640 cho H. Từ ngày 24/4/2023 đến ngày 24/5/2023 chị H trả lãi cho M 1 tháng số tiền 27.000.000 đồng. Tháng 6/2023, chị H báo bị bế nợ nên ngày 24/6/2023 không đóng lãi. Từ ngày 24/7/2023 đến 24/01/2024, H đã trả lãi cho M số tiền 189.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi chị H đã trả cho M của khoản vay này là 216.000.000 đồng, với mức lãi suất 109,5%/năm (gấp 10,95 lần lãi suất theo quy định của pháp luật). Lãi suất theo quy định của pháp luật mà M được thu là 20.219.178 đồng, số tiền thu lợi bất chính mà M đã hưởng là 195.780.822 đồng. Nợ lãi tháng 6 là 24.452.055 đồng (27.000.000 đồng – 802.192 đồng tiền lãi suất theo quy định của pháp luật mà M được thu).

Lần 04: Ngày 28/4/2023, chị H vay của M số tiền 30.000.000 đồng với lãi suất 7.000 đồng/1 triệu đồng/1 ngày, trả lãi 1 tháng (tức là 30 ngày) một lần số tiền 6.300.000 đồng/ tháng, vào ngày 28 hàng tháng. Ngày 28/5/2023 H trả lãi 01 tháng là 6.300.000 đồng. Tháng 6/2023, chị H báo bị bế nợ nên ngày 28/6/2023 không đóng lãi. Sau đó, M thay đổi và hạ lãi suất xuống còn 3.000 đồng/1 ngày/1 triệu đồng. Từ ngày 28/7/2023 cho đến tháng 28/1/2024, chị H đã trả lãi cho M số tiền 18.900.000 đồng. Tổng số tiền lãi chị H đã trả cho M của khoản vay này là 25.200.000 đồng, với mức lãi suất từ 109,5%/năm đến 255,5%/năm (gấp từ 5,475 đến 12,775 lần lãi suất theo quy định của pháp luật). Lãi suất theo quy định của pháp luật mà M được thu là 4.043.836 đồng, số tiền thu lợi bất chính mà M đã hưởng là 21.156.164 đồng. Nợ lãi tháng 6 là 5.790.411 đồng (6.300.000 đồng – 509.589 đồng tiền lãi suất theo quy định của pháp luật mà M được thu) và lãi tháng 7 là 2.895.205 đồng (3.150.000 đồng – 254.795 đồng tiền lãi suất theo quy định của pháp luật mà M được thu) .

Lần 05: Ngày 28/5/2023, chị H vay của M số tiền 50.000.000 đồng với lãi suất 4.000 đồng/1 triệu đồng/1 ngày, trả lãi 1 tháng (tức là 30 ngày) một lần số tiền 6.000.000 đồng/ tháng, vào ngày 28 hàng tháng. Tháng 6/2023, chị H báo bị bế nợ nên ngày 28/6/2023 không đóng lãi. Từ ngày 28/7/2023 đến 28/01/2024, chị H đóng lãi cho M 07 tháng, tổng số tiền lãi là 42.000.000 đồng, với mức lãi suất là 146%/năm (gấp 7,3 lần lãi suất theo quy định của pháp luật). Lãi suất theo quy định của pháp luật mà M được thu là 6.739.726 đồng, số tiền thu lợi bất chính mà M đã hưởng là 35.260.274 đồng.

Lần 06: Ngày 16/6/2023, chị H vay của M số tiền 60.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/1 triệu đồng/1 ngày, trả lãi 1 tháng (tức là 30 ngày) một lần số tiền 9.000.000 đồng/ tháng, vào ngày 16 hàng tháng. Từ ngày 16/7/2023 đến ngày 16/8/2023 (02 tháng), chị H đóng lãi cho M là 18.000.000 đồng và ngày 16/8/2023, chị H đã trả cho M

10.000.000 đồng nên chỉ còn nợ số tiền 50.000.000 đồng và phải đóng lãi hàng tháng là 7.500.000 đồng/ tháng, vào ngày 16 hàng tháng. Từ ngày 16/9/2023 đến ngày 16/02/2024, chị H trả lãi cho M 06 tháng lãi số tiền là 45.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi chị H đã trả cho M của khoản vay này là 63.000.000 đồng, với mức lãi suất là 182,5%/năm (gấp 9,125 lần lãi suất theo quy định của pháp luật). Lãi suất theo quy định của pháp luật mà M được thu là 7.106.849 đồng, số tiền thu lợi bất chính mà M đã hưởng là 55.893.151 đồng.

Lần 07: Ngày 07/01/2024, chị H vay của M số tiền 30.000.000 đồng với lãi suất 9.000 đồng/1 triệu đồng/1 ngày. Thỏa thuận 10 ngày trả lãi một lần số tiền là 2.700.000 đồng. Đến ngày 15/02/2024, chị H đã trả lãi 04 lần với tổng số tiền là 10.800.000 đồng, với mức lãi suất là 328,5%/năm (gấp 16,425 lần lãi suất theo quy định của pháp luật). Lãi suất theo quy định của pháp luật mà M được thu là 657.534 đồng, số tiền thu lợi bất chính mà M đã hưởng là 10.142.466 đồng.

Lần 08: Ngày 11/01/2024, chị H vay của M số tiền 50.000.000 đồng với lãi suất 9.000 đồng/1 triệu đồng/1 ngày. Thỏa thuận 10 ngày trả lãi một lần số tiền là 4.500.000 đồng. Đến ngày 09/02/2024, chị H đã trả lãi 03 lần với số tiền 13.500.000 đồng, mức lãi suất là 328,5%/năm (gấp 16,425 lần lãi suất theo quy định của pháp luật). Lãi suất theo quy định của pháp luật mà M được thu là 821.918 đồng, số tiền thu lợi bất chính mà M đã hưởng là 12.678.082 đồng. Ngày 19/02/2024, đến hạn nhưng chị H chưa trả lãi, nợ lãi 4.226.027 đồng (4.500.000 đồng – 273.973 đồng tiền lãi suất theo quy định của pháp luật mà M được thu).

Lần 09: Ngày 13/01/2024, chị H vay của M số tiền 30.000.000 đồng với lãi suất 9.000 đồng/1 triệu đồng/1 ngày. Thỏa thuận 10 ngày trả lãi một lần với số tiền là 2.700.000 đồng. Đến ngày 10/02/2024, H đã trả lãi được 03 lần với số tiền 8.100.000 đồng, với mức lãi suất là 328,5%/năm (gấp 16,425 lần lãi suất theo quy định của pháp luật). Lãi suất theo quy định của pháp luật mà M được thu là 493.151 đồng, số tiền thu lợi bất chính mà M đã hưởng là 7.606.849 đồng.

Lần 10: Ngày 15/01/2024, chị H vay của M số tiền 30.000.000 đồng với lãi suất 9.000 đồng/1 triệu đồng/1 ngày. Thỏa thuận 10 ngày trả lãi một lần với số tiền là 2.700.000 đồng. Đến ngày 13/02/2024, H đã trả lãi 03 lần với số tiền 8.100.000 đồng, với mức lãi suất là 328,5%/năm (gấp 16,425 lần lãi suất theo quy định của pháp luật). Lãi suất theo quy định của pháp luật mà M được thu là 493.151 đồng, số tiền thu lợi bất chính mà M đã hưởng là 7.606.849 đồng.

Lần 11: Ngày 20/01/2024, chị H vay của M số tiền 170.000.000 đồng với lãi suất 8.000 đồng/1 triệu đồng/1 ngày. Thỏa thuận 10 ngày trả lãi một lần với số tiền là 13.600.000 đồng. Đến ngày 18/02/2024, chị H đã trả lãi 03 lần với số tiền 40.800.000 đồng, với mức lãi suất là 292%/năm (gấp 14,6 lần lãi suất theo quy định của pháp luật). Lãi suất theo quy định của pháp luật mà M được thu là 2.794.521 đồng, số tiền thu lợi bất chính mà M đã hưởng là 38.005.479 đồng.

Lần 12: Ngày 21/01/2024, chị H vay của M số tiền 40.000.000 đồng với lãi suất 8.000 đồng/1 triệu/1 ngày, 10 ngày trả lãi một lần với số tiền là 3.200.000 đồng. Đến

ngày 09/02/2024, chị H đã trả lãi 02 lần với số tiền 6.400.000 đồng, với mức lãi suất là 292%/năm (gấp 14,6 lần lãi suất theo quy định của pháp luật). Lãi suất theo quy định của pháp luật mà M được thu là 438.356 đồng, số tiền thu lợi bất chính mà M đã hưởng là 5.961.644 đồng. Ngày 19/02/2024, đến hạn trả lãi nhưng chị H chưa trả lãi, nợ lãi 2.980.822 đồng (3.200.000 đồng – 219.178 đồng tiền lãi suất theo quy định của pháp luật mà M được thu).

Lần 13: Ngày 06/02/2024, chị H vay của M 60.000.000 đồng với lãi suất là 500.000 đồng/600.000 đồng/1 ngày, trả lãi hàng ngày. Đến ngày 18/02/2024, H đã trả lãi được 12 ngày với số tiền 6.000.000 đồng, mức lãi suất 304,17%/năm (gấp 15,208 lần lãi suất theo quy định của pháp luật). Lãi suất theo quy định của pháp luật mà M được thu là 394.521 đồng, số tiền thu lợi bất chính mà M đã hưởng là 5.605.479 đồng.

Lần 14: Ngày 08/02/2024, chị H vay của M 175.000.000 đồng với lãi suất là 8.000 đồng/1 triệu đồng/1 ngày. Thỏa thuận 10 ngày trả lãi một lần số tiền là 14.000.000 đồng, mức lãi suất là 292%/năm (gấp 14,6 lần lãi suất theo quy định của pháp luật). H chưa trả lãi và gốc. Lãi suất theo quy định của pháp luật mà M được thu là 958.904 đồng, số tiền thu lợi bất chính mà M được hưởng là 13.041.096 đồng.

Lần 15: Ngày 06/02/2024, chị H vay của M số tiền 30.000.000 đồng với lãi suất 3.000 đồng/1 triệu đồng/1 ngày; tức là 2.700.000 đồng/tháng, mức lãi suất là 109,5%/năm (gấp 5,475 lần lãi suất theo quy định của pháp luật). Số tiền này H chưa trả lãi và gốc. Lãi suất theo quy định của pháp luật mà M được thu là 197.260 đồng, số tiền thu lợi bất chính mà M được hưởng là 2.682.740 đồng.

Quá trình điều tra xác định M còn cho một số người vay với mức lãi suất cao, cụ thể:

- Cho chị Võ Thị Ngọc T (tên gọi khác là Mai), sinh năm 2001; địa chỉ: thôn 3, xã Lộc Ngãi, huyện Bảo L vay số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất 3.000 đồng/1 triệu đồng/1 ngày, thời hạn vay 01 tháng, số tiền lãi là 900.000 đồng. Chị T đã trả gốc cho M, đối với số tiền lãi 900.000 đồng khi chị T trả thì do là bạn bè nên M không lấy số tiền lãi này mà cho chị T. Như vậy, mức lãi suất M cho chị T vay là 109,5%/năm (gấp 5,475 lần lãi suất theo quy định của pháp luật). Lãi suất theo quy định của pháp luật mà M được thu là 164.384 đồng, số tiền thu lợi bất chính mà M hưởng là 735.616 đồng.

- Cho chị Lương Thị Ngọc TH, sinh năm 2000; địa chỉ: 39 Nguyễn Trãi, tổ 9, TT. Lộc Thắng, huyện Bảo L vay 2 lần với tổng số tiền 20.000.000 đồng, cụ thể:

+ Lần thứ nhất, cho chị TH vay 10.000.000 đồng với lãi suất 4.000 đồng/1 triệu đồng/1 ngày, thời hạn vay 10 ngày, số tiền lãi là 400.000 đồng. Chị TH đã trả gốc và lãi cho M số tiền 10.400.000 đồng. Như vậy, mức lãi suất M cho chị TH vay là 146%/năm (gấp 7,3 lần lãi suất theo quy định của pháp luật). Lãi suất theo quy định của pháp luật mà M được thu là 54.795 đồng, số tiền thu lợi bất chính mà M đã hưởng là 345.205 đồng.

+ Lần thứ 2, M cho chị TH vay 10.000.000 đồng với lãi suất 3.000 đồng/1 triệu đồng/1 ngày, thời hạn vay 01 tháng, số tiền lãi là 900.000 đồng. Chị TH đã trả gốc và lãi

cho M số tiền 10.900.000 đồng. Như vậy, mức lãi suất M cho chị TH vay là 109,5%/năm (gấp 5,475 lần lãi suất theo quy định của pháp luật). Lãi suất theo quy định của pháp luật mà M được thu là 164.384 đồng, số tiền thu lợi bất chính mà M đã hưởng là 735.616 đồng.

Như vậy, Hoàng Thị M đã cho chị H, chị T và chị TH vay tổng số tiền là 975.000.000 đồng với lãi suất gấp 5,475 lần đến 16,425 lần so với lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 nhằm thu lợi bất chính số tiền là 530.303.757 đồng (trong đó M đã thu lợi bất chính được số tiền 522.500.000 đồng, trong đó lãi suất được hưởng theo quy định của pháp luật là 55.484.933 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 467.015.067 đồng).

Tại phiên tòa: bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng, không thắc mắc, không khiếu nại hay tranh luận gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Dương Thị Mỹ H yêu cầu bị cáo trả lại số tiền thu lợi bất chính vượt mức quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự mà chị đã trả cho bị cáo.

Cáo trạng số 91/CTr-VKSBL ngày 05/9/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng truy tố bị cáo Hoàng Thị M về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” theo khoản 2 điều 201 Bộ luật hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Hoàng Thị M từ 12 đến 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Hình phạt bổ sung: đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung

Biện pháp tư pháp: Truy thu sung ngân sách nhà nước từ bị cáo Hoàng Thị M 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), đây là khoản tiền bị cáo dùng để cho vay mà H đã trả cho bị cáo, số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), đây là khoản tiền bị cáo dùng để cho chị T vay mà T đã trả cho bị cáo, số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), đây là khoản tiền bị cáo dùng để cho chị TH vay mà chị TH đã trả cho bị cáo.

Truy thu sung ngân sách nhà nước từ chị Dương Thị Mỹ H số tiền 935.000.000 (chín trăm ba mươi lăm triệu đồng), đây là số tiền nợ gốc chị Dương Thị Mỹ H chưa trả cho bị cáo Hoàng Thị M.

Truy thu sung ngân sách nhà nước từ bị cáo Hoàng Thị M 55.484.933 đồng là tiền lãi trong hạn theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Hoàng Thị M phải trả lại số tiền thu lợi bất chính vượt mức quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự cho chị Dương Thị Mỹ H là 466.354.794 đồng.

Số tiền thu lợi bất chính 735.616 đồng bị cáo đã thu của người liên quan Võ Thị Ngọc T, chị T không yêu cầu nhận lại nên đề nghị HĐXX không xem xét. Số tiền thu lợi bất chính 1.080.821 đồng bị cáo đã thu của người liên quan Lương Thị Ngọc TH, chị TH không yêu cầu nhận lại nên đề nghị HĐXX không xem xét.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: đề nghị tịch thu sung Ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 ProMax màu Gold số imei 353869229890422 của Hoàng Thị M.

Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật
Bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[01] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bảo L, của Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo L, của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[02] Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai có trong hồ sơ vụ án, lời khai người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, giao dịch chuyển tiền, các dữ liệu điện tử cùng với các tài liệu chứng cứ khác, đã có cơ sở xác định.

Vào khoảng thời gian từ tháng 8/2022 đến tháng 02/2024, tại thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng, Hoàng Thị M đã cho chị Dương Thị Mỹ H vay tiền 15 lần, cho chị Võ Thị Ngọc T vay 01 lần, cho chị LươngThị Ngọc TH vay 02 lần, với hình thức vay là trả lãi suất hàng tháng, hàng kỳ (10 ngày trả lãi 1 lần) và trả lãi theo ngày. Tổng số tiền mà Hoàng Thị M đã cho chị Dương Thị Mỹ H, Võ Thị Ngọc T, LươngThị Ngọc TH vay là 975.000.000 đồng, lãi suất từ 109,5% đến 328,5%/năm, vượt mức lãi suất cho phép của Bộ luật dân sự quy định từ 5,475 đến 16,425 lần, nhằm thu lợi bất chính số tiền là 530.303.757 đồng, tổng số tiền lãi mà Hoàng Thị M đã thu từ Dương Thị Mỹ H, Võ Thị Ngọc T, LươngThị Ngọc TH là 522.500.000 đồng, trong đó lãi suất được hưởng theo quy định của pháp luật là 55.484.933 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 467.015.067 đồng, toàn bộ quá trình bị cáo M cho chị H vay tiền và nhận tiền lãi từ chị H, chị H đã ghi chép rõ và cụ thể từng ngày, từng khoản vay vào trong bảng lưu chú điện thoại của H và bị cáo xác nhận, chị H đã nộp cho Cơ quan điều tra. Bị cáo là người trực tiếp chuyển tiền cho chị H vay và thu nhận tiền lãi từ chị H, quá trình bị cáo M cho chị T và TH vay tiền bị cáo ghi trong điện thoại. Căn cứ Điều 463 Bộ luật Dân sự, các lần bị cáo cho chị H, chị T, chị TH vay tiền và nhận tiền lãi từ chị H, chị T, chị TH thì thỏa thuận giữa bị cáo và chị H, chị T, chị TH được xác định là hợp đồng vay tài sản; giữa bị cáo với chị H, chị T, chị TH có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều

từ Điều 464 đến Điều 468 Bộ luật Dân sự. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo L truy tố bị cáo Hoàng Thị M về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 điều 201 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[03] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo là những người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là vi phạm pháp luật; song vì động cơ vụ lợi, nhằm thu lợi bất chính, bị cáo bất chấp pháp luật, lợi dụng chị H, chị T, chị TH có nhu cầu vay tiền, bị cáo đã cho chị H vay nhiều lần, số tiền gốc vay là 945.000.000 đồng, cho chị T vay 01 lần tiền, số tiền 10.000.000 đồng, cho chị TH vay 02 lần tiền, số tiền 20.000.000 đồng với mức lãi suất cao vượt quá 05 lần quy định của Bộ luật Dân sự từ 5,475 đến 16,425 lần, nhằm thu lợi bất chính tổng số tiền là 530.303.757 đồng. Bị cáo thực hiện với lỗi cố ý, tính chất mức độ của hành vi phạm tội là tuy ít nghiêm trọng nhưng trực tiếp xâm phạm đến khách thể là trật tự quản lý kinh tế của nhà nước về hoạt động tín dụng, cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ; xâm phạm đến lợi ích tài chính của công dân mà còn gây bất ổn cho xã hội, tiềm ẩn những nguy cơ phát sinh những loại tội phạm khác, do vậy cần phải xử phạt nghiêm bị cáo tương ứng với hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[04] Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải do đó cần áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo do đó bị cáo được áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[05] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong các khoản cho chị H vay có 06 khoản vay (gồm các khoản vay lần 01, 02, 03, 05, 06 và 11) có số tiền thu lợi bất chính trên 30.000.000 đồng nên bị cáo thuộc trường hợp phạm tội nhiều lần do đó bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[06] Về hình phạt bổ sung: theo quy định tại khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự có quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng*”, do mục đích của hành vi phạm tội của bị cáo nhằm thu lợi làm giàu bất chính, đồng thời tiếp tục dùng tiền thu lợi bất chính để quay vòng cho vay, lẽ ra cần thiết phải phạt bổ sung hình phạt tiền tương ứng với khoản tiền thu lợi bất chính nhằm thu ngân sách cho Nhà nước. Tuy nhiên, do bị cáo phải trả lại số tiền thu lợi bất chính vượt mức quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là lớn, điều kiện kinh tế hiện để thi hành hình phạt bổ sung là không khả thi nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[07] Về các biện pháp tư pháp: Truy thu sung ngân sách nhà nước từ bị cáo Hoàng Thị M số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), đây là khoản tiền bị cáo dùng để cho vay mà H đã trả cho bị cáo, số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), đây là khoản tiền bị cáo dùng để cho chị T vay mà T đã trả cho bị cáo, số tiền 20.000.000 đồng (hai

mười triệu đồng), đây là khoản tiền bị cáo dùng để cho chị TH vay mà chị TH đã trả cho bị cáo.

Truy thu sung ngân sách nhà nước từ chị Dương Thị Mỹ H số tiền 935.000.000 (chín trăm ba mươi lăm triệu đồng), đây là số tiền nợ gốc chị Dương Thị Mỹ H chưa trả cho bị cáo Hoàng Thị M.

Truy thu sung ngân sách nhà nước từ bị cáo Hoàng Thị M 55.484.933 đồng là tiền lãi trong hạn theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Hoàng Thị M phải trả lại số tiền thu lợi bất chính vượt mức quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự cho chị Dương Thị Mỹ H là 466.354.794 đồng.

Số tiền thu lợi bất chính 735.616 đồng bị cáo đã thu của người liên quan Võ Thị Ngọc T, chị T không yêu cầu nhận lại nên HĐXX không xem xét. Số tiền thu lợi bất chính 1.080.821 đồng bị cáo đã thu của người liên quan Lương Thị Ngọc TH, chị TH không yêu cầu nhận lại nên HĐXX không xem xét.

[08] Về xử lý vật chứng: căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 ProMax màu Gold số imei 353869229890422 của Hoàng Thị M là công cụ, phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

[09] Các vấn đề khác: Đối với anh Trần Xuân Q, sinh năm 1988, thường trú tại tổ 2, thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng là chồng của bị cáo Hoàng Thị M quá trình điều tra xác định anh Q không biết và không liên quan đến hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của M nên việc Cơ quan CSĐT Công an huyện Bảo L không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự là có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

[10] Xét ý kiến trình bày luận tội và quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo L thấy rằng: Mức hình phạt đề nghị áp dụng đối với bị cáo là phù hợp với nhân thân và tính chất mức độ của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra.

[11] Về án phí, lệ phí Tòa án: căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án cần buộc bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Hoàng Thị M phạm tội: “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”.

Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Hoàng Thị M 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

2. Về các biện pháp tư pháp: căn cứ Điều 47; Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Truy thu và buộc bị cáo Hoàng Thị M nộp số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), đây là khoản tiền bị cáo dùng để cho chị H vay mà H đã trả cho bị cáo, số tiền

10.000.000 đồng (mười triệu đồng), đây là khoản tiền bị cáo dùng để cho chị T vay mà T đã trả cho bị cáo, số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), đây là khoản tiền bị cáo dùng để cho chị TH vay mà chị TH đã trả cho bị cáo để sung quỹ nhà nước.

Truy thu và buộc chị Dương Thị Mỹ H nộp số tiền 935.000.000 (chín trăm ba mươi lăm triệu đồng), đây là số tiền nợ gốc chị Dương Thị Mỹ H chưa trả cho bị cáo Hoàng Thị M để sung quỹ nhà nước.

Truy thu và buộc bị cáo Hoàng Thị M nộp số tiền 55.484.933 đồng là tiền lãi trong hạn theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự để sung quỹ nhà nước.

Buộc bị cáo Hoàng Thị M phải trả lại số tiền thu lợi bất chính vượt mức quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự cho chị Dương Thị Mỹ H là 466.354.794 đồng.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 ProMax màu Gold số imei 353869229890422 của Hoàng Thị M.

(vật chứng trên theo biên bản giao nhận tài sản, vật chứng ngày 24/7/2024 giữa Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo L với Công an huyện Bảo L).

3. Về án phí, lệ phí Tòa án: căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án buộc bị cáo Hoàng Thị M phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày 26/9/2024 để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

(Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chỉ được kháng cáo phần có liên quan).

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TÒA PHIÊN TÒA

Hồ Thị Hồng Liên –Lê Thị Sáu

Vũ Thị Thúy Thành

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng ⁽²⁾;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Bảo L;
- Chi cục THADS H. Bảo L;
- Bị cáo, người liên quan;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Thúy Thành

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trọng Hoàng -Trần Thị Quế

Vũ Thị Thúy Thành

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TÒA PHIÊN TÒA

Hồ Thị Hồng Liên

Phạm Đức Minh

Nguyễn Đình Phong

